

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 08 - 10 - 2021  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tăng Giàu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Minh Hoàng

Ông Nguyễn Văn Tịnh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Quốc Đại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Hoàng T, sinh năm 1992; cư trú tại ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Bích N, sinh năm 1997; cư trú tại ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

(Anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chị N vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Trần Hoàng T trình bày:* Anh và chị N cưới nhau vào khoảng năm 2013, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau đó, vợ chồng anh chị có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Định Thành cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Lý do xin ly hôn: Thời gian đầu chung sống với nhau thì vợ chồng anh chị sống hạnh phúc, nhưng sau này vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc. Vợ chồng anh chị không còn sống chung khoảng một năm nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng cũng không thể hàn gắn lại được và anh

cũng không còn tình cảm gì với chị N nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Bích N.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh và chị N có một người con chung tên: Trần Lê N Q, sinh ngày 07/6/2014. Từ lúc vợ chồng anh không còn sống chung đến nay thì người con đều do vợ anh là chị N nuôi dưỡng giáo dục. Khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng con và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Anh và chị N không có tài sản chung, không có nợ ai. Khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Đối với bị đơn chị Lê Thị Bích N:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như triệu tập chị N tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng chị N vắng mặt không rõ lý do.

*Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:*

*Về thủ tục tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn anh T đúng theo quy định pháp luật, bị đơn chị N chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

*Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 39 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Hoàng T đối với chị Lê Thị Bích N; về con chung tiếp tục giao cháu Trần Lê N Q, sinh ngày 07/6/2014 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ: Anh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng, anh T đã nộp tạm ứng án phí số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu án phí toàn bộ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Trần Hoàng T yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị Bích N và giao cháu Trần Lê N Q, sinh ngày 07/6/2014 cho chị N nuôi dưỡng, bị đơn chị Lê Thị Bích N cư trú tại ấp C, xã Đ, huyện Đ nên đây là vụ án dân sự về tranh chấp ly hôn, nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt các đương sự: Anh Trần Hoàng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và được Tòa án chấp nhận; chị Lê Thị Bích N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do; căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và các điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị N.

[4]. Về nội dung: Anh Trần Hoàng T và chị Lê Thị Bích N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Thành, huyện Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Nên hôn nhân giữa anh T và chị N là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hoàng T yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị Bích N. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm, đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được, hiện tại anh T không còn tình cảm với chị N, nên hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng.

[6]. Mục đích của hôn nhân là để tạo dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải yêu thương, quý trọng và chăm sóc lẫn nhau, nhưng trong thời gian chung sống anh T và chị N phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống gia đình luôn căng thẳng không hàn gắn được, hiện tại anh T và chị N không còn sống chung khoảng một năm nay, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị N.

[7]. Về con chung: Anh Trần Hoàng T xác định, anh và chị N có một người con chung tên Trần Lê N Q, sinh ngày 07/6/2014. Khi ly hôn anh T đồng ý cháu Q cho chị N nuôi dưỡng và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ lúc vợ chồng anh T và chị N không còn sống chung đến nay thì chị N là người nuôi dưỡng giáo dục cháu Q, anh T cũng đồng ý để cháu Q cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của cháu Q, cần tiếp tục giao cháu Q cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, anh T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[9]. Về tài sản chung và nợ: Anh Trần Hoàng T xác định, anh chị tự thỏa thuận về tài sản chung và cũng không nợ ai, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10]. Về án phí: Anh Trần Hoàng T phải chịu 300.000 đồng, anh T đã nộp số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu án phí toàn bộ.

[11]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về các vấn đề có liên quan đến vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; các điểm a, b khoản 1 Điều 227; các điểm a, b khoản 1 Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Hoàng T đối với chị Lê Thị Bích N.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Trần Lê N Q, sinh ngày 07/6/2014 cho chị Lê Thị Bích N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Hoàng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, anh T không đặt ra nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Anh Trần Hoàng T phải chịu 300.000 đồng. Anh T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0011619 ngày 22 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Anh Trần Hoàng T và chị Lê Thị Bích N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- UBND xã Định Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Tăng Giàu**

